



**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN  
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2013**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 35

100 -  
CÔNG TY  
HỮU  
ITTI  
NAI  
TP

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2013)
Ông Bùi Minh Tiên	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Ông Đinh Quang Hoàn	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Ông Dương Trí Hội	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Huỳnh Kim Nhân	Kế toán trưởng

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Công ty đã phát hành báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 vào ngày 12 tháng 3 năm 2014.

Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy có một số sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính riêng (ngày 12 tháng 3 năm 2014) có liên quan đến các khoản đầu tư vào các công ty liên kết là các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định thực hiện phát hành lại báo cáo tài chính riêng của Công ty và tin tưởng rằng việc phát hành lại báo cáo tài chính riêng sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cụ thể như sau:

- Ngày 14 tháng 3 năm 2014, Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là "PVTEX") - công ty liên kết của Công ty - cùng tổ hợp nhà thầu đã thống nhất nghiệm thu sơ bộ có điều kiện và bàn giao nhà máy để vận hành thương mại kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2013. Sự kiện này dẫn đến PVTEX đã kết thúc giai đoạn đầu tư và phải thực hiện tạm ghi tăng tài sản cố định, trích khấu hao, dùng vốn hóa lãi vay... để xác định lại kết quả hoạt động kinh doanh kể từ ngày vận hành thương mại chính thức. Báo cáo tài chính năm 2013 của PVTEX đã được điều chỉnh theo sự kiện trên và phát sinh lỗ lũy kế với số tiền khoảng 387,6 tỷ đồng, dẫn đến giá trị khoản đầu tư của Công ty tại PVTEX bị suy giảm khoảng 75 tỷ đồng cần phải được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị, ngày 31 tháng 3 năm 2014 Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "PVC Mekong") - Công ty liên kết của Công ty đã thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá đối với hàng hóa bất động sản là Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu với số tiền khoảng 37 tỷ đồng. Báo cáo tài chính năm 2013 của PVC Mekong đã được điều chỉnh theo sự kiện trên và phát sinh lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là khoảng 263 tỷ đồng, dẫn đến giá trị khoản đầu tư của Công ty tại PVC Mekong bị suy giảm khoảng 88 tỷ đồng và theo đó cần phải trích lập bổ sung dự phòng giảm giá khoản đầu tư khoảng 15 tỷ đồng theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN  
43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngày 31 tháng 3 năm 2014  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

001  
ON  
NH  
LI  
ET  
DA

Số: 1014 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ - Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, ngày 31 tháng 3 năm 2014, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy có một số sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính riêng (ngày 12 tháng 3 năm 2014) có liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết là các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định thực hiện trích lập bổ sung dự phòng giảm giá cho sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết này và phát hành lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Chúng tôi đã thực hiện bổ sung thêm một số thủ tục kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng đã được điều chỉnh cho các sự kiện nêu trên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 kèm theo.

Các thủ tục kiểm toán bổ sung của chúng tôi đối với các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán chỉ giới hạn cho các thay đổi của báo cáo tài chính riêng như đã được trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.



**Khúc Thị Lan Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0036-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 31 tháng 3 năm 2014  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Trần Huy Công**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0891-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>6.736.620.486.312</b>	<b>6.537.835.014.112</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>3.651.611.169.091</b>	<b>5.209.946.797.179</b>
1. Tiền	111		276.611.169.091	189.694.797.179
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.375.000.000.000	5.020.252.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.734.861.214.549</b>	<b>59.477.046.183</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	1.734.861.214.549	59.477.046.183
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>195.327.757.927</b>	<b>156.511.933.406</b>
1. Phải thu khách hàng	131		81.263.163.664	18.248.172.455
2. Trả trước cho người bán	132		49.860.162.109	94.615.513.958
3. Các khoản phải thu khác	135	8	183.501.499.443	162.945.314.282
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(119.297.067.289)	(119.297.067.289)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>1.009.269.970.469</b>	<b>979.362.417.883</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.014.074.735.230	979.362.417.883
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.804.764.761)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>145.550.374.276</b>	<b>132.536.819.461</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	14.882.954.457	12.702.390.398
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		98.355.003.097	112.368.878.073
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	20	30.491.537.283	5.736.410.209
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.820.879.439	1.729.140.781
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>3.493.331.459.249</b>	<b>3.687.351.115.050</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.029.432.132.470</b>	<b>2.051.193.329.172</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.037.404.686.720	953.298.097.742
- Nguyên giá	222		6.873.528.987.540	6.624.748.941.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.836.124.300.820)	(5.671.450.844.053)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	818.476.500.079	667.159.564.553
- Nguyên giá	228		1.033.389.567.608	860.569.144.834
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(214.913.067.529)	(193.409.580.281)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	173.550.945.671	430.735.666.877
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>374.830.072.746</b>	<b>387.821.602.923</b>
- Nguyên giá	241		412.458.750.831	412.389.407.195
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(37.628.678.085)	(24.567.804.272)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.014.271.413.315</b>	<b>1.133.601.016.483</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	466.456.800.000	466.456.800.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	634.137.000.000	599.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	17	77.875.067.921	83.625.067.921
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(164.197.454.606)	(15.480.851.438)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>74.797.840.718</b>	<b>114.735.166.472</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	49.240.935.229	61.380.955.057
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	25.424.088.089	53.146.484.811
3. Tài sản dài hạn khác	268		132.817.400	207.726.604
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>10.229.951.945.561</b>	<b>10.225.186.129.162</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>965.166.035.606</b>	<b>1.263.027.388.808</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>948.301.638.112</b>	<b>1.258.830.382.270</b>
1. Phải trả người bán	312		588.386.626.383	377.735.482.928
2. Người mua trả tiền trước	313		4.886.187.897	199.582.957.503
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	1.753.657.036	114.318.466.349
4. Phải trả người lao động	315		69.056.712.622	55.910.481.201
5. Chi phí phải trả	316	21	155.415.729.042	290.145.735.059
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	39.773.359.576	39.119.068.794
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		89.029.365.556	182.018.190.436
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.864.397.494</b>	<b>4.197.006.538</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện	338		3.525.485.494	4.197.006.538
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		13.338.912.000	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>9.264.785.909.955</b>	<b>8.962.158.740.354</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>9.264.785.909.955</b>	<b>8.962.158.740.354</b>
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	-
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.296.824.120)	(85.447.473.262)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(264.120.169)	(78.903.497)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.499.459.725.948	2.499.459.725.948
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		945.355.131.893	800.339.607.731
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.001.352.082.545	1.947.885.783.434
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>10.229.951.945.561</b>	<b>10.225.186.129.162</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2013	31/12/2012
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	6.222.194	2.773.417
- EUR	1.788.994	1.429

*H. Lan Anh*

Hoàng Thị Lan Anh  
Người lập biểu

*H. Kim Nhân*

Huỳnh Kim Nhân  
Kế toán trưởng



*N. Văn Tông*  
Nguyễn Văn Tông  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.967.854.970.712	11.871.226.840.649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		60.560.104.334	141.447.278.083
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	7.907.294.866.378	11.729.779.562.566
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	4.948.044.370.128	7.771.712.981.448
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.959.250.496.250	3.958.066.581.118
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	485.609.014.961	591.020.867.945
7. Chi phí tài chính	22	27	152.293.346.395	20.776.580.286
8. Chi phí bán hàng	24		510.506.259.755	562.292.508.777
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		437.165.897.954	561.386.017.670
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		2.344.894.007.107	3.404.632.342.330
11. Thu nhập khác	31		8.973.783.410	10.013.422.937
12. Chi phí khác	32		1.513.570.631	1.056.815.591
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.460.212.779	8.956.607.346
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.352.354.219.886	3.413.588.949.676
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	214.661.073.087	470.436.302.359
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp	52	19	27.722.396.722	(41.323.121.938)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.109.970.750.077	2.984.475.769.255

01125  
TỔNG  
+ NHIEA  
BELO  
HIỆT  
DA

*H. Lan Anh*

Hoàng Thị Lan Anh  
Người lập biểu

*H. Kim Nhân*

Huyền Kim Nhân  
Kế toán trưởng



*N. Văn Tông*  
Nguyễn Văn Tông  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

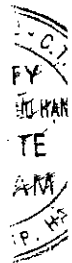
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.352.354.219.886	3.413.588.949.676
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	219.251.512.522	187.597.519.962
Các khoản dự phòng	03	153.521.367.929	118.346.874.128
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(56.237.105)	327.161.230
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(483.913.396.458)	(589.255.689.341)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08	2.241.157.466.774	3.130.604.815.655
Thay đổi các khoản phải thu	09	(25.835.522.587)	237.891.389.917
Thay đổi hàng tồn kho	10	(34.712.317.347)	62.327.205.791
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(43.774.953.192)	339.118.244.136
Thay đổi chi phí trả trước	12	15.772.354.969	197.776.142.829
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(350.704.225.690)	(446.118.862.153)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	74.909.204	1.673.464.743
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(294.864.880.349)	(266.543.531.576)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.507.112.831.782	3.256.728.869.342
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(227.747.027.282)	(328.891.474.376)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.830.000.000.000)	(342.382.830.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	154.615.831.634	307.905.783.817
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(35.137.000.000)	(23.131.710.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.750.000.000	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	467.891.586.339	588.194.391.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.464.626.609.309)	201.694.160.828
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(1.704.650.330.950)	(1.881.929.425.000)
2. Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	37	103.808.910.185	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.600.841.420.765)	(1.881.929.425.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.558.355.198.292)	1.576.493.605.170
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.209.946.797.179	3.633.780.353.239
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19.570.204	(327.161.230)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	3.651.611.169.091	5.209.946.797.179


  
 C.T.
   
 F.Y.
   
 T. H. KH.
   
 TE
   
 P. KH.

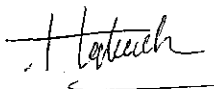
Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Trong năm, Công ty đã bán 2.379.940 cổ phiếu quỹ thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số tiền từ bán cổ phiếu quỹ là 103.808.910.185 đồng (sau khi trừ phí giao dịch) được trình bày trên chỉ tiêu Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ, phần Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính.



Hoàng Thị Lan Anh  
Người lập biểu



Huỳnh Kim Nhân  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tông  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05 tháng 11 năm 2007, mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.155 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.166 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản, đào tạo nghề; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển, sông; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và lưu giữ hàng hóa.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và báo cáo tài chính của văn phòng Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy có một số sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính riêng (ngày 12 tháng 3 năm 2014) có ảnh hưởng đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào hai công ty liên kết của Công ty. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định trích lập bổ sung dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư nêu trên và phát hành lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Một số khoản mục trên báo cáo tài chính riêng đã được trình bày lại, chi tiết tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

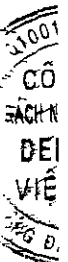
Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)**

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) số tiền 110.143.267.289 đồng (bao gồm: khoản ủy thác vốn đầu tư đến hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng). Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định lập dự phòng đối với toàn bộ khoản phải thu nêu trên.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2013</u> <u>(số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì doanh nghiệp được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì doanh nghiệp được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền sáng chế, giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Công ty trích khấu hao theo số năm sử dụng đối với quyền sử dụng đất có thời hạn và không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai; Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa nhà Văn phòng Cần Thơ tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, thành phố Cần Thơ do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm 2013</u> (số năm)
Quyền sử dụng đất	44 - 50
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được xác định giá trị ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá trị đầu tư (nếu có).

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định giá trị ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá trị đầu tư (nếu có).

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá trị đầu tư (nếu có).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá có thể thu hồi được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, vật tư phụ tùng thay thế và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Vật tư, phụ tùng thay thế tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm, phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và một số chi phí khác được coi là mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai trên một năm. Các khoản chi phí trả trước này được phân bổ vào chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 2 năm.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

M. S. O. N.  
C. O. N.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Lỗ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Cambodia tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 không được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà được trình bày trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” của Bảng cân đối kế toán của Công ty.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (từ năm 2008). Năm 2013 là năm thứ sáu Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ mười kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

19/03/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU CỦA CÁC KHOẢN MỤC THAY ĐỔI**

- Ngày 14 tháng 3 năm 2014, Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (gọi tắt là "PVTEX") - công ty liên kết của Công ty - cùng tổ hợp nhà thầu đã thống nhất nghiệm thu sơ bộ có điều kiện và bàn giao nhà máy để vận hành thương mại kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2013. Sự kiện này dẫn đến PVTEX đã kết thúc giai đoạn đầu tư và phải thực hiện tạm ghi tăng tài sản cố định, trích khấu hao, dùng vốn hóa lãi vay... để xác định lại kết quả hoạt động kinh doanh kể từ ngày vận hành thương mại chính thức. Báo cáo tài chính năm 2013 của PVTEX đã được điều chỉnh theo sự kiện trên và phát sinh lỗ lũy kế với số tiền khoảng 387,6 tỷ đồng, dẫn đến giá trị khoản đầu tư của Công ty tại PVTEX bị suy giảm khoảng 75 tỷ đồng cần phải được trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị, ngày 31 tháng 3 năm 2014 Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "PVC Mekong") - Công ty liên kết của Công ty đã thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá đối với hàng hóa bất động sản là Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu với số tiền khoảng 37 tỷ đồng. Báo cáo tài chính năm 2013 của PVC Mekong đã được điều chỉnh theo sự kiện trên và phát sinh lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là khoảng 263 tỷ đồng, dẫn đến giá trị khoản đầu tư của Công ty tại PVC Mekong bị suy giảm khoảng 88 tỷ đồng và theo đó cần phải trích lập bổ sung dự phòng giảm giá khoản đầu tư khoảng 15 tỷ đồng theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1

**Báo cáo tài chính riêng**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU CỦA CÁC KHOẢN MỤC THAY ĐỔI (Tiếp theo)**

Do các sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính riêng nêu trên là các sự kiện có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng năm 2013 và đã được coi là các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh của các công ty liên kết nêu trên, theo đó Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định trích lập bổ sung dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này và phát hành lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để phản ánh đầy đủ các sự kiện này. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc phát hành lại báo cáo tài chính riêng sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các khoản mục trên báo cáo tài chính riêng có sự thay đổi như sau:

		Trình bày tại báo cáo		
	Mã số	tài chính riêng phát hành ngày 12/3/2014	Trình bày lại	Chênh lệch
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Chi phí tài chính	22	62.242.749.963	152.293.346.395	(90.050.596.432)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.434.944.603.539	2.344.894.007.107	90.050.596.432
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	237.173.722.195	214.661.073.087	22.512.649.108
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.177.508.697.401	2.109.970.750.077	67.537.947.324
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7.978.888.175	30.491.537.283	(22.512.649.108)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(74.146.858.174)	(164.197.454.606)	90.050.596.432
<b>Tổng tài sản</b>	<b>270</b>	<b>10.297.489.892.885</b>	<b>10.229.951.945.561</b>	<b>67.537.947.324</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	2.068.890.029.869	2.001.352.082.545	67.537.947.324
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>440</b>	<b>10.297.489.892.885</b>	<b>10.229.951.945.561</b>	<b>67.537.947.324</b>
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	2.442.404.816.318	2.352.354.219.886	90.050.596.432
Các khoản dự phòng	03	63.470.771.497	153.521.367.929	(90.050.596.432)

30  
 TY  
 HỮU  
 TTE  
 IAA  
 TP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	645.512.336	651.526.703
Tiền gửi ngân hàng	275.965.656.755	189.043.270.476
Các khoản tương đương tiền	3.375.000.000.000	5.020.252.000.000
	<u><b>3.651.611.169.091</b></u>	<u><b>5.209.946.797.179</b></u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng với lãi suất từ 6%/năm đến 7%/năm.

**7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại	1.730.000.000.000	51.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu Khí Việt Nam - PVFC)	4.861.214.549	8.477.046.183
	<u><b>1.734.861.214.549</b></u>	<u><b>59.477.046.183</b></u>

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn với lãi suất từ 7,5%/năm đến 8,5%/năm.

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	63.215.625.452	47.008.472.222
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) (i)	110.143.267.289	110.143.267.289
Khác	10.142.606.702	5.793.574.771
	<u><b>183.501.499.443</b></u>	<u><b>162.945.314.282</b></u>

- (i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFI") tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm: khoản ủy thác vốn đầu tư đến hạn thanh toán với số tiền 101.597.868.000 đồng và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.545.399.289 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn, kinh doanh thua lỗ, khả năng hoạt động liên tục không được đảm bảo, PVFI không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ khoản phải thu này.

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	90.132.442.877	178.255.480.490
Nguyên liệu, vật liệu	485.111.397.326	444.817.892.070
Công cụ, dụng cụ	4.195.087.000	9.394.950.210
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.046.006.895	34.717.024.425
Thành phẩm	183.863.784.278	312.177.070.688
Hàng hóa	220.726.016.854	-
	<b>1.014.074.735.230</b>	<b>979.362.417.883</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.804.764.761)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>1.009.269.970.469</b>	<b>979.362.417.883</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm tài sản	11.461.045.219	10.792.388.054
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.421.909.238	1.910.002.344
	<b>14.882.954.457</b>	<b>12.702.390.398</b>

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	1.170.564.261.745	5.306.290.249.487	55.663.319.477	92.231.111.086	6.624.748.941.795
Mua trong năm	35.681.506.025	7.598.949.564	535.775.635	21.091.942.403	64.908.173.627
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	182.979.001.482	26.288.161.821	-	-	209.267.163.303
Phân loại lại theo Thông tư 45	(93.427.100)	(1.870.067.659)	(241.596.840)	(23.190.199.586)	(25.395.291.185)
Tại ngày 31/12/2013.	<b>1.389.131.342.152</b>	<b>5.338.307.293.213</b>	<b>55.957.498.272</b>	<b>90.132.853.903</b>	<b>6.873.528.987.540</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	625.286.134.808	4.957.264.858.042	40.685.553.357	48.214.297.846	5.671.450.844.053
Khấu hao trong năm	62.081.102.266	96.923.544.316	3.384.925.703	22.126.926.039	184.516.498.324
Phân loại lại theo Thông tư 45	(88.418.763)	(1.398.101.130)	(249.401.355)	(18.107.120.309)	(19.843.041.557)
Tại ngày 31/12/2013	<b>687.278.818.311</b>	<b>5.052.790.301.228</b>	<b>43.821.077.705</b>	<b>52.234.103.576</b>	<b>5.836.124.300.820</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2013	<b>701.852.523.841</b>	<b>285.516.991.985</b>	<b>12.136.420.567</b>	<b>37.898.750.327</b>	<b>1.037.404.686.720</b>
Tại ngày 31/12/2012	<b>545.278.126.937</b>	<b>349.025.391.445</b>	<b>14.977.766.120</b>	<b>44.016.813.240</b>	<b>953.298.097.742</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.327.792.613.969 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 5.309.945.595.948 đồng).



**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất</b> <b>VND</b>	<b>Bản quyền sáng chế</b> <b>VND</b>	<b>Phần mềm máy tính</b> <b>VND</b>	<b>Khác</b> <b>VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	634.022.186.438	171.441.137.057	45.123.866.943	9.981.954.396	860.569.144.834
Mua trong năm	38.989.188.810	295.589.119	2.258.543.454	-	41.543.321.383
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	130.953.404.100	-	755.000.000	-	131.708.404.100
Phân loại lại theo Thông tư 45	-	-	(431.302.709)	-	(431.302.709)
Tại ngày 31/12/2013	803.964.779.348	171.736.726.176	47.706.107.688	9.981.954.396	1.033.389.567.608
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	-	164.046.950.666	19.785.842.656	9.576.786.959	193.409.580.281
Khấu hao trong năm	10.114.941.025	2.464.890.762	8.952.247.993	142.060.605	21.674.140.385
Phân loại lại theo Thông tư 45	-	-	(170.653.137)	-	(170.653.137)
Tại ngày 31/12/2013	10.114.941.025	166.511.841.428	28.567.437.512	9.718.847.564	214.913.067.529
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2013	793.849.838.323	5.224.884.748	19.138.670.176	263.106.832	818.476.500.079
Tại ngày 31/12/2012	634.022.186.438	7.394.186.391	25.338.024.287	405.167.437	667.159.564.553

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 172.942.452.521 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 168.896.621.106 đồng).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Dự án Amoniac	46.248.899.367	44.003.993.921
Nhà ở Cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.148.525.618
Kho Tây Ninh	23.573.596.728	23.268.818.182
Kho Đà Nẵng	22.875.662.950	22.875.662.950
Dự án nâng công suất phân xưởng NH3 nhà máy Đạm Phú	15.264.114.882	-
Kho Cảng Cái Cui - Cần Thơ	-	235.149.280.732
Kho Trà Nóc	-	4.238.253.953
Các công trình khác	29.246.601.126	65.051.131.521
	<b>173.550.945.671</b>	<b>430.735.666.877</b>



**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất <b>VND</b>	Nhà cửa, vật kiến trúc <b>VND</b>	Tổng cộng <b>VND</b>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	136.405.727.000	275.983.680.195	412.389.407.195
Tăng do mua sắm	-	69.343.636	69.343.636
Tại ngày 31/12/2013	<u>136.405.727.000</u>	<u>276.053.023.831</u>	<u>412.458.750.831</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	3.127.851.442	21.439.952.830	24.567.804.272
Khấu hao trong năm	1.482.325.638	11.578.548.175	13.060.873.813
Tại ngày 31/12/2013	<u>4.610.177.080</u>	<u>33.018.501.005</u>	<u>37.628.678.085</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2013	<u>131.795.549.920</u>	<u>243.034.522.826</u>	<u>374.830.072.746</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>133.277.875.558</u>	<u>254.543.727.365</u>	<u>387.821.602.923</u>

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau; Khách sạn Sao Phương Bắc tại thị trấn Sapa, tỉnh Lào Cai; Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; Tòa nhà Văn phòng Cần Thơ tại số 151/18 đường Trần Hoàng Na, thành phố Cần Thơ do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.



**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	VND Hoạt động chính	
				31/12/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75	75	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75	75	127.500.000.000	127.500.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75	75	93.750.000.000	93.750.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	TP. Hà Nội	75	75	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa -	51	51	21.410.000.000	21.410.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	81,38	81,38	58.796.800.000	58.796.800.000
				<b>466.456.800.000</b>	<b>466.456.800.000</b>

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	VND Hoạt động chính	
				31/12/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) (1)	TP. Cần Thơ	35.63	35.63	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX) (2)	TP. Hải Phòng	25.00	25.00	534.137.000.000	499.000.000.000
				<b>634.137.000.000</b>	<b>599.000.000.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết					
Trong đó:					
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)				(88,740,740,775)	(15,480,851,438)
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)				(75,027,410,224)	-
				<b>(163,768,150,999)</b>	<b>(15,480,851,438)</b>
<b>Giá trị thuần của khoản đầu tư</b>				<b>470,368,849,001</b>	<b>583,519,148,562</b>

Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp

Sản xuất và kinh doanh xơ sợi Polyester



**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

- (1) Theo số liệu Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đô thị và Phát triển Dầu khí (PVC-Mekong), tài sản thuần của PVC-Mekong thấp hơn số vốn góp của các cổ đông là 249 tỷ đồng. Do đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại PVC-Mekong với tổng mức trích lập là 88,7 tỷ đồng.
- (2) Theo số liệu Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX), tài sản thuần của PVTEX là 1.836 tỷ đồng, thấp hơn số vốn góp của các cổ đông là 300 tỷ đồng. Do đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại PVTEX với tổng mức trích lập là 75 tỷ đồng.

**17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

<b>Công ty</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	10,27%	57.373.067.921	57.373.067.921
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	8,50%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao - Văn hóa Dầu khí (PSCC)		-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PSP)		-	4.750.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	6,78%	16.902.000.000	16.902.000.000
		<b>77.875.067.921</b>	<b>83.625.067.921</b>
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>			
<i>Trong đó:</i>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)		(429.303.607)	-
		<b>(429.303.607)</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị thuần của khoản đầu tư</b>		<b>77.445.764.314</b>	<b>83.625.067.921</b>

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) có dấu hiệu suy giảm giá trị cần phải trích lập dự phòng, các khoản đầu tư dài hạn còn lại không bị suy giảm giá trị, do vậy Tổng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn này.

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả trước tiền thuê đất	4.494.601.195	5.056.426.345
Vật tư, phụ tùng thay thế	31.202.705.600	46.275.058.387
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.543.628.434	10.049.470.325
	<u>49.240.935.229</u>	<u>61.380.955.057</u>

**19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm 2013 và năm tài chính trước.

	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2012	-	-	11.823.362.873	11.823.362.873
Ghi nhận trong năm	27.535.816.822	3.870.212.860	9.917.092.256	41.323.121.938
Tại ngày 01/01/2013	27.535.816.822	3.870.212.860	21.740.455.129	53.146.484.811
Ghi nhận trong năm	(13.767.908.411)	(3.870.212.860)	(10.084.275.451)	(27.722.396.722)
Tại ngày 31/12/2013	<u>13.767.908.411</u>	<u>-</u>	<u>11.656.179.678</u>	<u>25.424.088.089</u>

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	532.229.491
Thuế xuất, nhập khẩu	-	602.523.952
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	110.029.012.584
Thuế thu nhập cá nhân	1.737.236.099	150.982.320
Thuế tài nguyên	11.987.600	-
Các loại thuế khác	4.433.337	3.003.718.002
	<u>1.753.657.036</u>	<u>114.318.466.349</u>

300 - C  
CÔNG TY  
HỮU HỮU  
CÔNG TY  
NAM  
TP. H

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (Tiếp theo)**

Tình hình nộp ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Phải nộp	Lũy kế từ đầu năm tới cuối năm		Phải nộp
	31/12/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	18.045.768.986	18.045.768.986	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	532.229.491	70.423.996.558	70.956.226.049	-
Thuế xuất, nhập khẩu	602.523.952	26.115.209.442	26.717.733.394	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	107.715.581.016	214.661.073.087	350.704.225.690	(28.327.571.587)
Thuế thu nhập cá nhân	(3.271.996.321)	45.015.285.013	42.170.018.289	(426.729.597)
Thuế tài nguyên	-	534.204.689	534.204.689	-
Thuế bảo vệ môi trường	2.956.744.198	5.233.859.402	8.178.616.000	11.987.600
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	554.329.967	554.329.967	-
Các loại thuế khác	46.973.804	340.383.252	382.923.719	4.433.337
<b>Tổng cộng</b>	<b>108.582.056.140</b>	<b>380.930.110.396</b>	<b>518.250.046.783</b>	<b>(28.737.880.247)</b>
<i>Trong đó:</i>				
-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	114.318.466.349			1.753.657.036
-Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5.736.410.209			30.491.537.283
+) Thuế thu nhập cá nhân	3.422.978.641			2.163.965.696
+) Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.313.431.568			28.327.571.587

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định 2013 (i)	43.421.052.000	151.714.209.145
Chi phí an sinh xã hội (ii)	47.550.892.095	73.570.862.067
Khác	64.443.784.947	64.860.663.847
	<b>155.415.729.042</b>	<b>290.145.735.059</b>

(i) Trong năm 2013, Công ty đã quyết toán chi phí bảo dưỡng và sửa chữa lớn Nhà máy Đạm Phú Mỹ với số tiền hơn 169 tỷ đồng, và trích thêm 43.421.052.000 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ cho năm 2015.

(ii) Theo Nghị quyết số 432/NQ-DKVN ngày 15 tháng 3 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong năm, Công ty đã trích lập chi phí thực hiện các hợp đồng an sinh xã hội 100 tỷ đồng để thực hiện chương trình an sinh xã hội của toàn Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, chi phí an sinh xã hội chưa được chuyển cho các đối tượng được nhận hỗ trợ là 47.550.892.095 đồng.

**22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chiết khấu phải trả các Công ty con	1.140.303.491	10.414.712.380
Cổ tức phải trả	21.556.282.714	16.502.443.664
Phải trả, phải nộp khác	17.076.773.371	12.201.912.750
	<b>39.773.359.576</b>	<b>39.119.068.794</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	3.800.000.000.000	-	(83.961.341.647)	(835.361.854)	1.407.397.263.345	488.321.761.273	2.627.050.933.666	8.237.973.254.783
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	2.984.475.769.255	2.984.475.769.255
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	-	-	(1.486.131.615)	-	-	-	-	(1.486.131.615)
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	1.092.062.462.603	312.017.846.458	(1.404.080.309.061)	-
Trích Quỹ Khen thường, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(371.789.010.426)	(371.789.010.426)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.887.771.600.000)	(1.887.771.600.000)
Khác	-	-	-	756.458.357	-	-	-	756.458.357
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	<b>3.800.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(85.447.473.262)</b>	<b>(78.903.497)</b>	<b>2.499.459.725.948</b>	<b>800.339.607.731</b>	<b>1.947.885.783.434</b>	<b>8.962.158.740.354</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	2.109.970.750.077	2.109.970.750.077
Cổ phiếu quỹ bán trong năm (1)	-	21.179.913.858	83.150.649.142	-	-	-	-	104.330.563.000
Trích từ lợi nhuận (2)	-	-	-	-	-	145.015.524.162	(145.015.524.162)	-
Trích Quỹ Khen thường, phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	-	(201.784.316.811)	(201.784.316.811)
Trả cổ tức (3)	-	-	-	-	-	-	(1.709.704.170.000)	(1.709.704.170.000)
Tặng khác	-	-	-	(185.216.672)	-	-	(439.993)	(185.656.665)
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>3.800.000.000.000</b>	<b>21.179.913.858</b>	<b>(2.296.824.120)</b>	<b>(264.120.169)</b>	<b>2.499.459.725.948</b>	<b>945.355.131.893</b>	<b>2.001.352.082.545</b>	<b>9.264.785.909.955</b>

(1) Phân ánh số tiền thu về từ việc bán 2.379.940 cổ phiếu quỹ của Công ty.

(2) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty với số tiền tương ứng 145.015.524.162 đồng và 201.784.316.811 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2013.

(3) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty đã công bố chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 là 1.703.754.320.000 đồng, trong đó tạm ứng cổ tức đợt 1 là 566.331.480.000 đồng (1.500 đồng/cổ phần) trong Quý 3/2012, đợt 2 là 377.554.320.000 đồng trong Quý 4/2012 (1.000 đồng/cổ phần), và đợt 3 (đợt cuối) công bố ngày 18 tháng 6 năm 2013 là 759.868.520.000 (2.000 đồng/cổ phần).

Ngày 30 tháng 10 năm 2013, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm 2013 với tổng số tiền 949.835.650.000 đồng, tương đương 2.500 đồng/cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2013.



**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Cổ phiếu	31/12/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	380.000.000	380.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	65.740	2.445.680
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	379.934.260	377.554.320
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 16 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 3.800.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	<u>VND</u>	(%)	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.332.042.530.000	61,37	2.332.042.530.000	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	1.467.957.470.000	38,63	1.467.957.470.000	1.467.957.470.000
	<b>3.800.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>3.800.000.000.000</b>	<b>3.800.000.000.000</b>

**24. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN**

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất và dịch vụ trong nước <u>VND</u>	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
<b>Năm 2013</b>			
Doanh thu thuần	7.339.923.168.743	567.371.697.635	7.907.294.866.378
Giá vốn hàng bán	4.385.764.420.588	562.279.949.540	4.948.044.370.128
Lợi nhuận gộp	<b>2.954.158.748.155</b>	<b>5.091.748.095</b>	<b>2.959.250.496.250</b>
<b>Năm 2012</b>			
Doanh thu thuần	11.619.482.869.918	110.296.692.648	11.729.779.562.566
Giá vốn hàng bán	7.663.318.417.337	108.394.564.111	7.771.712.981.448
Lợi nhuận gộp	<b>3.956.164.452.581</b>	<b>1.902.128.537</b>	<b>3.958.066.581.118</b>

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***24. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN (Tiếp theo)**

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất và dịch vụ trong nước như sau:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu Ure	6.885.602.542.846	8.011.626.699.524
Doanh thu bán Ure Cà Mau	15.879.957.938	3.387.520.963.139
Doanh thu điện	1.991.296.831	3.779.578.565
Doanh thu khác	497.009.475.462	358.002.906.773
	<b>7.400.483.273.077</b>	<b>11.760.930.148.001</b>
Chiết khấu thương mại	60.560.104.334	141.447.278.083
	<b>7.339.923.168.743</b>	<b>11.619.482.869.918</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.255.542.782.475	3.273.710.799.080
Chi phí nhân công	306.811.936.450	309.679.109.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	219.251.512.522	187.597.519.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	835.787.244.408	991.709.386.950
Chi phí khác	115.465.733.573	305.780.752.065
	<b>4.732.859.209.428</b>	<b>5.068.477.567.877</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	404.112.328.811	523.019.401.100
Cổ tức, lợi nhuận được chia	79.801.067.647	66.236.288.241
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.673.966.734	1.106.883.596
Khác	21.651.769	658.295.008
	<b>485.609.014.961</b>	<b>591.020.867.945</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.576.743.227	4.966.604.584
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	148.716.603.168	15.480.851.438
Khác	-	329.124.264
	<b>152.293.346.395</b>	<b>20.776.580.286</b>



**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	209.237.508.707	423.427.760.401
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước bổ sung	5.423.564.380	47.008.541.958
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>214.661.073.087</u></b>	<b><u>470.436.302.359</u></b>

**29. CÁC KHOẢN CAM KẾT****Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, lịch thanh toán các khoản cam kết thuê như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	7.352.825.720	7.188.223.094
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	27.969.088.880	27.565.696.375
Sau năm năm	18.393.039.254	24.414.393.419
	<b><u>53.714.953.854</u></b>	<b><u>59.168.312.888</u></b>

Từ ngày 03 tháng 9 năm 2005, Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 378.392 USD/năm.

Ngày 01 tháng 11 năm 2013, Công ty đã ký thêm phụ lục hợp đồng thuê văn phòng ở Campuchia với thời hạn 3 năm và tiền thuê là 1.800 USD/tháng.

**Cam kết khác**

Theo Hợp đồng mua bán khí số 82/2010/PVGas-KTTT/TM-PVFCCo/B1 ngày 07 tháng 5 năm 2010 và các Phụ lục bổ sung với Tổng Công ty Khí Việt Nam, giá mua khí trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 6,69 USD/MMBTU (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6,56 USD/MMBTU).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.651.611.169.091	5.209.946.797.179
Phải thu khách hàng và phải thu khác	145.467.595.818	61.628.148.368
Đầu tư ngắn hạn	1.734.861.214.549	59.477.046.183
Đầu tư dài hạn	77.445.764.314	83.625.067.921
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>5.609.385.743.772</u></b>	<b><u>5.414.677.059.651</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	627.953.913.833	416.124.179.960
Chi phí phải trả	155.415.729.042	290.145.735.059
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>783.369.642.875</u></b>	<b><u>706.269.915.019</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

1007  
 CÔNG  
 TY CỔ  
 PHẦN  
 ĐẾ  
 VIỆT  
 NAM

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	121.915.416.471	301.172.880	135.424.559.029	64.381.819.565
Euro (EUR)	51.641.681.399	-	51.783.058.477	6.940.940.364

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	270.182.851	1.281.612.934
Euro (EUR)	2.827.542	138.818.807

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư cổ phiếu và nhận thấy ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong), Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX) và Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) thì không có cổ phiếu nào suy giảm giá trị, do vậy Công ty chỉ thực hiện trích dự phòng giảm giá đầu tư cho các khoản đầu tư nêu trên với số tiền 164,2 tỷ đồng (trong đó: dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết là 163,7 tỷ đồng, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác là 429 triệu đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một số khoản rủi ro tín dụng bao gồm: phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) về ủy thác vốn đầu tư và lãi ủy thác dự thu đã quá hạn với tổng số tiền 110.143.267.289 đồng; phải thu Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lan tiền ứng trước mua hàng hóa với số tiền 9.153.800.000 đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ các khoản phải thu này.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**


*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*


	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.651.611.169.091	-	3.651.611.169.091
Phải thu khách hàng và phải thu khác	145.467.595.818	-	145.467.595.818
Đầu tư ngắn hạn	1.734.861.214.549	-	1.734.861.214.549
Đầu tư dài hạn	-	77.445.764.314	77.445.764.314
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.531.939.979.458</b>	<b>77.445.764.314</b>	<b>5.609.385.743.772</b>
<b>31/12/2013</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	627.953.913.833	-	627.953.913.833
Chi phí phải trả	155.415.729.042	-	155.415.729.042
<b>Tổng cộng</b>	<b>783.369.642.875</b>	<b>-</b>	<b>783.369.642.875</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>4.748.570.336.583</b>	<b>77.445.764.314</b>	<b>4.826.016.100.897</b>
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.209.946.797.179	-	5.209.946.797.179
Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.628.148.368	-	61.628.148.368
Đầu tư ngắn hạn	59.477.046.183	-	59.477.046.183
Đầu tư dài hạn	-	83.625.067.921	83.625.067.921
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.331.051.991.730</b>	<b>83.625.067.921</b>	<b>5.414.677.059.651</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>4.624.782.076.711</b>	<b>83.625.067.921</b>	<b>4.708.407.144.632</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

  
Hoàng Thị Lan Anh  
Người lập biểu

  
Huỳnh Kim Nhân  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Văn Tông  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014